

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-01-2022  
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Vui

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trung Du

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.**

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Ông **Hồ Văn L**, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2021 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Hôn nhân giữa bà và ông Hồ Văn L do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý, bà và ông L chung sống với nhau từ năm 1978 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng sống tại ấp A, xã Đ,

huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm đến năm 1983 ông L bỏ đi, hiện ông L có gia đình khác và sinh sống tại ấp N, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Văn L.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1983 hiện đang sống với bà N và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1983 chết ngày 30 tháng 11 năm 2014. Sau khi ly hôn con chung Nguyễn Thị Ngọc Tr đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

**\* Đối với bị đơn ông Hồ Văn L:**

Ông Hồ Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long hiện ông L có mặt tại địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông L cố tình không hợp tác.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: giấy khai sinh bản sao; giấy chứng tử bản sao; đơn xác nhận; phiếu chuyển phát nhanh; đơn xin xác nhận.

Bị đơn ông Hồ Văn L không đến tham gia tố tụng tại tòa án nên ông L không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử ông Hồ Văn L cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, ông L biết bà N yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Hồ Văn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của ông bà do tự tìm hiểu quen biết không có tổ chức lễ cưới, ông bà chung sống với nhau từ năm 1978 mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng ông bà chung sống với nhau trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 là hôn nhân thực tế được chính quyền địa phương xác nhận theo công văn số 49/CV-

UBND ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Đ. Theo lời trình bày của bà N thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm đến năm 1983 thì ông L tự bỏ đi và có gia đình khác, hiện nay ông bà không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà N yêu cầu ly hôn với ông L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1983 hiện đang sống với bà N và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1983 chết ngày 30 tháng 11 năm 2014. Sau khi ly hôn con chung Nguyễn Thị Ngọc Tr đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị N vì bà N là người cao tuổi.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**\* Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Hồ Văn L.

[2] Con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1983 chết ngày 30 tháng 11 năm 2014 và Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1983 hiện đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Miễn án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình cho bà Nguyễn Thị N vì bà N thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Đ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Huỳnh Văn Vui**